

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 03 – 2026

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Ông Nguyễn Phước Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2026/TL.ST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Y, C-C, sinh ngày 16/04/1983; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); Hộ chiếu số: 364948970 do Đài Loan cấp ngày 16/02/2024 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, T, Khóm A, phường T, trấn T, huyện V, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 12/12/2025): Bà Phạm Thị L, sinh năm 1982 và bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Số B, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thúy V, sinh ngày 01/04/2005; Căn cước công dân số: 093305001509 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/12/2025 và bản tự khai ngày 12/12/2025, nguyên đơn là ông Y, Ceng trình bày:

Đầu năm 2025, tôi và bà Nguyễn Thúy V quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Chúng tôi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 15/05/2025. Sau khi kết hôn, tôi

bảo lãnh bà Nguyễn Thúy V sang Đài Loan sinh sống và xây dựng hạnh phúc cùng nhau. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian sau do bất đồng ngôn ngữ, bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng dần rạn nứt. Chúng tôi cố gắng cho nhau cơ hội nhưng vẫn bất thành. Bà Thúy V sống ở Đài Loan được 03 tháng thì trở về Việt Nam sinh sống, chính thức ly thân và không còn liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi quyết định chấm dứt quan hệ hôn nhân này, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thúy V. Trong thời gian chung sống tôi và bà Nguyễn Thúy V không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu. Ông Y, C-Cheng yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/03/2026, bị đơn là bà Nguyễn Thúy V trình bày:

Vào năm 2025, thông qua mai mối, tôi tự nguyện tiến tới hôn nhân với ông Y, Cng. Sau khi đăng ký kết hôn thì tôi qua Đài Loan sinh sống cùng ông Y, C-Cheng được 03 tháng, do tính tình không hợp nên tôi không muốn sống chung nữa và về Việt Nam sinh sống từ tháng 11 năm 2025. Nay ông Y, C-Cheng yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý. Về con chung: không có. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có. Bà Nguyễn Thúy V yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y, Cng. Về hôn nhân: Ông Y, Cng được ly hôn với bà Nguyễn Thúy V. Về con chung: Không có nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là ông Y, C-Cheng là người nước ngoài khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn là bà Nguyễn Thúy V, là công dân Việt Nam, cư trú tại xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

năm 2025 thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa, ông Y, Ceng và bà Nguyễn Thúy V vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông Y, Cng:

[3.1] Giữa ông Y, Cng và bà Nguyễn Thúy V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông Y, C-Cheng bảo lãnh bà Nguyễn Thúy V sang Đài Loan sinh sống và xây dựng hạnh phúc vợ chồng.

[3.2] Ông Y, Cng cho rằng thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian sau do bất đồng ngôn ngữ, bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng dần rạn nứt. Bà Thúy V sống ở Đài Loan được 03 tháng thì trở về Việt Nam sinh sống, chính thức ly thân và không còn liên lạc với nhau. Bà Nguyễn Thúy V cho rằng do tính tình không hợp nên bà trở về Việt Nam sinh sống. Bà V đồng ý ly hôn với ông Y, Cng.

[3.3] Xét thấy, ông Y, C-Cheng và bà V tiến tới hôn nhân trên cơ sở M1, chưa có đủ thời gian tìm hiểu nhau, nền tảng hôn nhân chưa vững chắc. Quá trình chung sống do bất đồng ngôn ngữ, bất đồng quan điểm nhưng không có biện pháp để hàn gắn, sau đó ly thân với nhau. Xét mâu thuẫn giữa ông Y, Ceng và bà V đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đã thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y, Cng về việc yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thúy V.

[4] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Y, Ceng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Y, Cng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Y, C-C được ly hôn với bà Nguyễn Thúy V.
2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Y, C-Cheng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí ông Y, Ceng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002914 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Ông Y, Ceng đã nộp xong án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND TP Cần Thơ;
- Đường sự;
- Thi hành án dân sự TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14-Cần Thơ;
- UBND xã Thạnh Xuân, TP Cần Thơ;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh